

Bản án số: 08 /2019/DS-ST

Ngày: 02/5/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và huê hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình K

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh T và bà Vũ Thị N

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Th - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh BT tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Tr - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và huê hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX ngày 13 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2019/QĐXX ngày 09 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thái Gia Kh, sinh năm: 1961 (*có mặt*)

Bà Triệu Thị Ph, sinh năm: 1965 (*có mặt*)

Địa chỉ: Thôn 2, xã Tân Phúc, huyện HT, tỉnh BT.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thu D, sinh năm: 1986 (*có mặt*).

Địa chỉ: Thôn 2, xã Tân Phúc, huyện HT, tỉnh BT.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quang Tr, sinh năm: 1979 (*vắng mặt*). Địa chỉ: Thôn 2, xã Tân Phúc, huyện HT, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 20/11/2018, qua lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ thu thập có tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa thì nội dung vụ kiện được thể hiện như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 15/4/2016, bà Trần Thị Thu D có rủ bà Ph chơi 01 chân huê hụi giá 3.000.000đồng/tháng và bà Ph đã đóng được 18 tháng với tổng số tiền là 54.000.000đồng. Ngày 10/02/2017 (âm lịch), bà Trần Thị Thu D có rủ bà Ph chơi 01 chân huê hụi giá 5.000.000đồng/tháng và bà Ph đã đóng được 08 tháng với tổng số tiền là 40.000.000đồng.

Vào tháng 8/2017 (âm lịch), bà Trần Thị Thu D có vay của vợ chồng ông Kh, bà Ph số tiền là 30.000.000đồng. Bà Trần Thị Thu D có trả cho vợ chồng ông Kh, bà Ph hai lần với tổng số tiền 18.000.000đồng. Nay ông Kh, bà Ph yêu cầu Toà án nhân dân huyện HT, tỉnh BT giải quyết, buộc vợ chồng ông Trần Quang Tr và bà Trần Thị Thu D phải trả lại cho vợ chồng ông Kh, bà Ph số tiền là: 106.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thị Thu D trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn về việc chơi huê hụi và vay tiền, thống nhất số tiền còn thiếu là 106.000.000đồng, bà đồng ý trả cho vợ chồng ông Kh, bà Ph 106.000.000đồng. Tuy nhiên việc giao dịch huê hụi và vay tiền là một mình bà, không liên quan đến ông Tr nên ông Tr không có trách nhiệm trả tiền cho vợ chồng ông Kh, bà Ph.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Quang Tr không tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, bà D có nộp đơn xin vắng mặt và trình bày ý kiến của ông Tr ghi ngày 21/12/2018, ông Tr xác định việc giao dịch huê hụi và vay tiền là một mình bà D, ông không liên quan nên ông không có trách nhiệm trả tiền cho vợ chồng ông Kh, bà Ph.

Đại diện VKSND huyện HT tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Riêng người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Quang Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Tr không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, bà D có nộp đơn xin vắng mặt và trình bày ý kiến của ông Tr ghi ngày 21/12/2018. Do đó, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trong khoảng thời gian từ ngày 15/4/2016 đến ngày 10/02/2017 (âm lịch), bà Trần Thị Thu D có rủ bà Ph có chơi 02 chân huê hụi và bà Phụng đã đóng cho bà D số tiền 94.000.000đồng. Vào tháng 8/2017 (âm lịch), bà D có vay của vợ chồng ông Kh, bà Ph số tiền là 30.000.000đồng, sau đó bà D có trả 18.000.000đồng nên số tiền còn thiếu là: 106.000.000đồng. Bà D đồng ý trả số tiền còn thiếu là 106.000.000đồng nhưng bà cho rằng việc giao dịch huê hụi và vay mượn tiền là một mình bà, không liên quan đến chồng bà là ông Tr. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn đã trình bày rõ ràng khi bắt đầu vỡ huê thì ông Tr có điện thoại cho vợ chồng ông Kh, bà Ph thông báo về việc vỡ huê hụi có hứa sẽ trả tiền và bà D đã thừa nhận là ông Tr biết. Hơn nữa, việc bà D tham gia các giao dịch huê hụi và vay tiền với số tiền giao dịch lớn trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng nên lợi nhuận thu được sẽ phục vụ chi tiêu, sinh hoạt chung trong gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông Tr và bà D

phải trả cho vợ chồng ông Kh, bà Ph số tiền là: 106.000.000đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy;

[1] *Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án:* Hội đồng xét xử thấy rằng đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giao dịch về huê, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình thu thập chứng cứ, người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Quang Tr không tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Tại phiên tòa, bà D có nộp đơn xin vắng mặt và trình bày ý kiến của ông Tr ghi ngày 21/12/2018. Do đó, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định pháp luật.

[3] *Về nội dung:* Trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trong khoảng thời gian từ ngày 15/4/2016 đến ngày 10/02/2017 (âm lịch), bà Trần Thị Thu D có rủ bà Ph có chơi 02 chân huê và bà Ph đã đóng cho bà D số tiền 94.000.000đồng. Vào tháng 8/2017 (âm lịch), bà D có vay của vợ chồng ông Kh, bà Ph số tiền là 30.000.000đồng, sau đó bà D có trả 18.000.000đồng nên số tiền còn thiếu là: 106.000.000đồng. Bà D đồng ý trả số tiền còn thiếu là 106.000.000đồng cho vợ chồng ông Kh, bà Ph. Đây là ý chí tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] *Về trách nhiệm trả tiền thì bà D cho rằng việc tổ chức các chân huê và vay tiền là do bà trực tiếp giao dịch nên bà chấp nhận trả, không liên quan đến chồng bà là ông Tr, ông Tr không phải chịu trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn; Tuy nhiên, bà thừa nhận là ông Tr có biết việc bà tổ chức chơi huê hụi và nợ tiền ông Kh, bà Ph nhưng không biết nợ bao nhiêu tiền. Tại phiên tòa, bà D có nộp đơn xin vắng mặt và trình bày ý kiến của ông Tr ghi ngày 21/12/2018, ông Tr xác định việc giao dịch huê hụi và vay tiền là một mình bà D, ông không liên quan nên ông không có trách nhiệm trả tiền cho vợ chồng ông Kh, bà Ph. Xét lời trình bày của bà D và ông Tr, Hội đồng xét xử thấy rằng việc bà D tham gia các giao dịch huê và vay tiền trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng; Giao dịch huê của bà D là công khai liên tục trong thời gian dài với số tiền giao dịch lớn; Đồng thời, các chân huê do bà D tổ chức là huê có lãi nên lợi nhuận thu được sẽ phục vụ chi tiêu, sinh hoạt chung trong gia đình nên ông Tr phải có*

nghĩa vụ liên đới trả tiền cho nguyên đơn. Mặc khác, qua lời khai và đối chất tại phiên tòa, nguyên đơn đã chứng minh được là rõ ràng khi bắt đầu vỡ huê thì ông Tr có điện thoại cho vợ chồng ông Kh, bà Ph thông báo về việc vỡ huê hụi, có hứa sẽ trả tiền và thực tế trong lần trả tiền gần nhất là 10.000.000đồng thì bị đơn thừa nhận là tiền của vợ chồng và ông Tr biết rõ. Do đó, lời trình bày của bà Dân và ông Trung là không có cơ sở để chấp nhận, cần buộc vợ chồng ông Trần Quang Tr và bà Trần Thị Thu D phải trả cho vợ chồng ông Kh, bà Ph số tiền là: 106.000.000đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 92 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 471 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị Ph và ông Thái Gia Kh.

1/ Buộc vợ chồng ông Trần Quang Tr và bà Trần Thị Thu D có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà Triệu Thị Ph và ông Thái Gia Kh số tiền: 106.000.000đồng (Một trăm lẻ sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, tính từ lúc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt qua mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Trường hợp các bên không thỏa thuận được về lãi suất thì áp dụng lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí: Bà Trần Thị Thu D và ông Trần Quang Tr phải chịu 5.300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Triệu Thị Ph và ông Thái Gia Kh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.650.000đồng theo biên lai thu số 0024575 ngày 14/12/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện HT.

Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BT;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện HT;
- Đường sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình K

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 02 tháng 5 năm 2019

Tại: Phòng nghị án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Với Hội đồng xét xử dân sự sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Tú và bà Vũ Thị Nữ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 177/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và huê”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Thái Gia Khánh, sinh năm: 1961 (*có mặt*)

Bà Triệu Thị Phụng, sinh năm: 1965 (*có mặt*)

Địa chỉ: Thôn 2, xã Tân Phúc, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Thu Dân, sinh năm: 1986 (*có mặt*).

Địa chỉ: Thôn 2, xã Tân Phúc, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Quang Trung, sinh năm: 1979 (*vắng mặt*). Địa chỉ: Thôn 2, xã Tân Phúc, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

I/ Về tố tụng:

-Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Các thành viên trong hội đồng xét xử thống nhất xác định đây là Hội đồng xét xử thấy rằng đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giao dịch về huê, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Quang Trung đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản nộp cho Tòa án, không trình bày ý kiến nên xác định ông Trung đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3

II/ Về Điều luật áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 92 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479 BLDS năm 2005, Điều 471 và 688 BLDS năm 2015. Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

III/ Các vấn đề giải quyết:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị Phụng và ông Thái Gia Khánh. Buộc vợ chồng ông Trần Quang Trung và bà Trần Thị Thu Dân có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà Triệu Thị Phụng và ông Thái Gia Khánh số tiền: 106.000.000đồng.

IV/ Các vấn đề khác:

-Về án phí: Bà Trần Thị Thu Dân và ông Trần Quang Trung phải chịu 5.300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Triệu Thị Phụng và ông Thái Gia Khánh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.650.000đồng theo biên lai thu số 0024575 ngày 14/12/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 02 tháng 5 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Tú

Vũ Thị Nữ

Phạm Đình Khương

